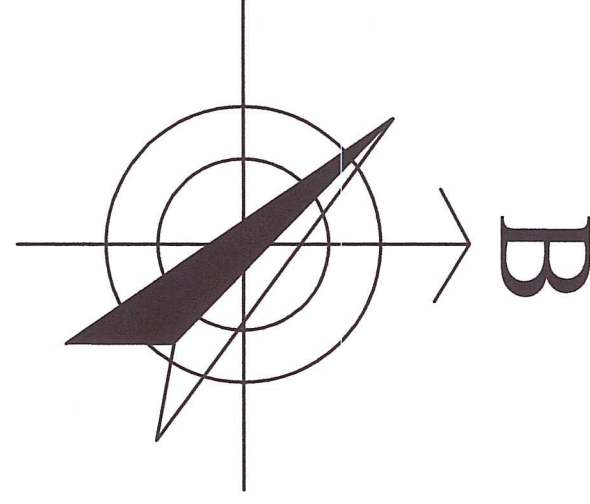
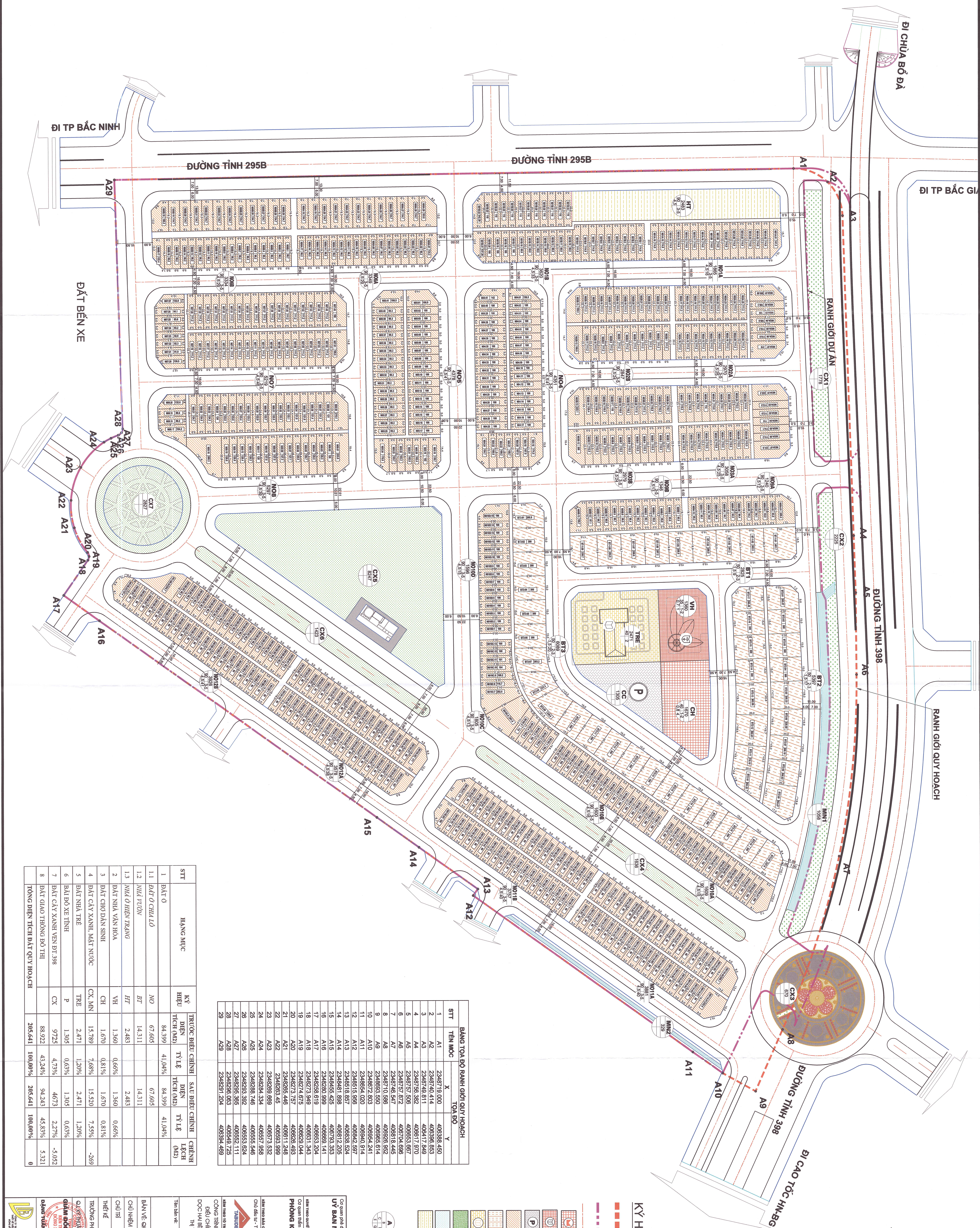




| BẢNG TÀI KHOẢN CHỖ QUẢN HỖ |         |            |            |
|----------------------------|---------|------------|------------|
| STT                        | TÊN MÔC | TÀI KHOẢN  |            |
|                            |         | X          | Y          |
| 1                          | A1      | 234673.000 | 406386.450 |
| 2                          | A2      | 234670.811 | 406396.853 |
| 3                          | A3      | 234670.811 | 406411.681 |
| 4                          | A4      | 234675.382 | 406561.970 |
| 5                          | A5      | 234675.506 | 406565.667 |
| 6                          | A6      | 234675.872 | 406740.656 |
| 7                          | A7      | 234674.517 | 406814.445 |
| 8                          | A8      | 234670.586 | 406832.982 |
| 9                          | A9      | 234680.550 | 406862.982 |
| 10                         | A10     | 234687.803 | 406964.241 |
| 11                         | A11     | 234686.020 | 406964.914 |
| 12                         | A12     | 234655.586 | 406964.597 |
| 13                         | A13     | 234655.857 | 406963.524 |
| 14                         | A14     | 234645.888 | 406971.205 |
| 15                         | A15     | 234646.455 | 406973.355 |
| 16                         | A16     | 234620.989 | 406969.341 |
| 17                         | A17     | 234620.989 | 406963.104 |
| 18                         | A18     | 234627.944 | 406951.944 |
| 19                         | A19     | 234627.675 | 406952.044 |
| 20                         | A20     | 234627.377 | 406952.945 |
| 21                         | A21     | 234628.446 | 406951.248 |
| 22                         | A22     | 234623.45  | 406953.969 |
| 23                         | A23     | 234623.665 | 406953.866 |
| 24                         | A24     | 234624.364 | 406957.968 |
| 25                         | A25     | 234628.367 | 406955.466 |
| 26                         | A26     | 234623.382 | 406953.624 |
| 27                         | A27     | 234623.585 | 406952.111 |
| 28                         | A28     | 234623.585 | 406954.725 |
| 29                         | A29     | 234628.704 | 406934.949 |

| STT | HÀNG MỤC                     | KỶ<br>HIỆU | TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH<br>(TỶ VNĐ) | TỶ LỆ<br>(%) | DIỄN<br>TỊCH (M2) | SỐ ĐƯỢC CHỈNH<br>(TỶ VNĐ) | TỶ LỆ<br>(%) | CHẾNH<br>LỊCH<br>(M2) |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------|--------------|-------------------|---------------------------|--------------|-----------------------|
| 1   | DẤT 0                        |            | 84.399                       | 41,04%       | 84.399            | 41,04%                    |              |                       |
| 1.1 | DẤT 0 CHIA LỎ                | NO         | 67.605                       |              | 67.605            |                           |              |                       |
| 1.2 | NHÀ TỰNG                     | BT         | 14.311                       |              | 14.311            |                           |              |                       |
| 1.3 | NHÀ 0 HIỆN TRẠNG             | HT         | 2.483                        |              | 2.483             |                           |              |                       |
| 2   | DẤT NHÀ VẠN HOA              | VH         | 1.360                        | 0,66%        | 1.360             | 0,66%                     |              |                       |
| 3   | DẤT CHỢ DÂN NGHỈ             | CH         | 1.670                        | 0,81%        | 1.670             | 0,81%                     |              |                       |
| 4   | DẤT CÂY XANH MẶT NƯỚC        | CX.MN      | 15.789                       | 7,68%        | 15.520            | 7,55%                     | -269         |                       |
| 5   | DẤT NHÀ TRỀ                  | TRÈ        | 2.471                        | 1,20%        | 2.471             | 1,20%                     |              |                       |
| 6   | DẤT XE TÌNH                  | P          | 1.305                        | 0,63%        | 1.305             | 0,63%                     |              |                       |
| 7   | DẤT CÂY XANH VƯỜN BT.398     | CX         | 9725                         | 4,73%        | 4673              | 2,27%                     | -5.052       |                       |
| 8   | TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT THU       |            | 88.922                       | 43,24%       | 94.243            | 45,83%                    | 5.321        |                       |
|     | TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH |            | 205.641                      | 100,00%      | 205.641           | 100,00%                   | 0            |                       |

KÝ HIỆU:


 RANH GIỚI QUAY HOẠCH CHI TIẾT DẠY HAI BÊN  
 TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH 295B - KHU SỐ 9

RANH GIỚI DỰ ÁN

— — — — —

TIM ĐƯỜNG QUY HOẠCH

ĐẶT DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI

ĐẤT NHÀ VĂN HO

**P** **DẦU BÀI ĐỖ XE TÍN**

ĐẤT Ỏ CHIA Ỏ LIỆ









































MẠI NƯỚC

NHÀ Ở HIỆN TRẦN

A = IEN LỒ ĐAI  
B = DIỆN TÍCH LỒ ĐAI

**C = MẬT ĐỘ XÂY DỰNG**

E = HỆ SỐ SỬ DỤNG

G = SO CONG IRII

ơ quan phê duyệt:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

ÂM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 661/QĐ-UBND NGÀY 08 THÁNG 01

**PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ Đ**

chủ đầu tư - Tổ chức lập quy hoạch:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG**

ĐỀM THEO TỜ TRÌNH SỐ 21.03/TP-ĐA NGÀY 21 THÁNG 03 NĂM 2011

**CÔNG TRÌNH - DỰA ĐIỂM**

ĐOẠC HAI BÊN TUYỂN DƯƠNG TÍNH 295B - VỊ  
THỊ TRẦN NẾN, HUYỀN VIỆT YÊN, TỈNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MẾNH - THỊ XÃ V

MẶT BANG PH  
(SAU ĐIỀU C

|                |           |
|----------------|-----------|
| 3.ÀN VÈ: QH-03 | GHÉP: 1A0 |
|----------------|-----------|

|           |                  |
|-----------|------------------|
| CHỦ NHIỆM | KTS.ĐỖ VĂN THUẬT |
|-----------|------------------|

|         |                 |
|---------|-----------------|
| CHỦ TRÌ | KTS: NGUYỄN ĐỨC |
|---------|-----------------|

|          |                  |
|----------|------------------|
| HIIEI KE | KTS. NGUYEN MINH |
|----------|------------------|

KT. ĐỖ VĂN THUẬT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
HÀ NỘI



1. **Introduction**

Địa chỉ: Số 824 Đường Lê Lợi  
Điện thoại: 0962 367 333

NAME: \_\_\_\_\_